

TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ, TIN HỌC
HỘI ĐỒNG THI CẤP CHỨNG CHỈ
ỨNG DỤNG CNTT CƠ BẢN

DANH SÁCH CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN

(Ban hành kèm theo quyết định số 699/QĐ-ĐHNLBG-NNTH ngày 02/11/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang)

Ngày thi: 22/10/2022

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
						Trắc nghiệm	Thực hành				
1	CNTT1948	Giáp Văn An	12/07/2005	Bắc Giang	Nam	7,0	5,5	DBG011620	CNTT/22/2004	Đạt	
2	CNTT1949	Đào Thị Lan Anh	08/10/2005	Bắc Giang	Nữ	6,2	7,5	DBG011621	CNTT/22/2005	Đạt	
3	CNTT1950	Đỗ Tuấn Anh	05/09/2004	Thái Nguyên	Nam	6,0	6,5	DBG011622	CNTT/22/2006	Đạt	
4	CNTT1952	Hoàng Tuấn Anh	23/11/2004	Bắc Giang	Nam	6,5	6,5	DBG011623	CNTT/22/2007	Đạt	
5	CNTT1953	Lê Thị Ngọc Anh	23/06/2005	Bắc Giang	Nữ	7,5	6,5	DBG011624	CNTT/22/2008	Đạt	
6	CNTT1954	Phạm Thị Lan Anh	03/09/2005	Bắc Giang	Nữ	6,7	6,0	DBG011625	CNTT/22/2009	Đạt	
7	CNTT1955	Vũ Đức Anh	08/09/2005	Bắc Giang	Nam	6,5	6,0	DBG011626	CNTT/22/2010	Đạt	
8	CNTT1956	Địch Thị Ngọc Ánh	02/09/2005	Bắc Giang	Nữ	6,7	5,5	DBG011627	CNTT/22/2011	Đạt	
9	CNTT1957	Hoàng Thị Ngọc Ánh	16/06/2005	Bắc Giang	Nữ	6,7	6,5	DBG011628	CNTT/22/2012	Đạt	
10	CNTT1958	Lã Ngọc Ánh	13/02/2005	Bắc Giang	Nữ	6,0	6,5	DBG011629	CNTT/22/2013	Đạt	
11	CNTT1959	Trần Ngọc Ánh	24/06/2005	Bắc Giang	Nữ	7,2	7,0	DBG011630	CNTT/22/2014	Đạt	
12	CNTT1960	Nguyễn Quang Bảo	16/07/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	5,5	DBG011631	CNTT/22/2015	Đạt	
13	CNTT1961	Giáp Huy Chiến	29/05/2005	Bắc Giang	Nam	6,5	6,5	DBG011632	CNTT/22/2016	Đạt	
14	CNTT1962	Nguyễn Văn Chiến	20/09/2005	Bắc Giang	Nam	6,7	6,0	DBG011633	CNTT/22/2017	Đạt	
15	CNTT1963	Nguyễn Thanh Chúc	30/08/2005	Bắc Giang	Nữ	6,5	5,5	DBG011634	CNTT/22/2018	Đạt	
16	CNTT1964	Lê Văn Cường	29/11/2005	Bắc Giang	Nam	6,5	5,0	DBG011635	CNTT/22/2019	Đạt	
17	CNTT1965	Lê Văn Cường	16/11/2004	Bắc Giang	Nam	6,2	6,0	DBG011636	CNTT/22/2020	Đạt	
18	CNTT1966	Chu Thị Diễm	01/10/2005	Bắc Giang	Nữ	7,0	6,0	DBG011637	CNTT/22/2021	Đạt	
19	CNTT1967	Nguyễn Mạnh Dũng	15/05/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	7,0	DBG011638	CNTT/22/2022	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
						Trắc nghiệm	Thực hành				
20	CNTT1968	Đỗ Viết Duy	21/10/2005	Thái Nguyên	Nam	7,0	7,5	DBG011639	CNTT/22/2023	Đạt	
21	CNTT1969	Lê Thị Ngọc Duyên	19/08/2005	Bắc Giang	Nữ	6,2	6,0	DBG011640	CNTT/22/2024	Đạt	
22	CNTT1970	Lê Đức Đạt	16/07/2005	Bắc Giang	Nam	6,0	5,0	DBG011641	CNTT/22/2025	Đạt	
23	CNTT1971	Nguyễn Văn Đô	16/08/2005	Bắc Giang	Nam	6,0	5,0	DBG011642	CNTT/22/2026	Đạt	
24	CNTT1972	Dương Văn Đức	15/06/2005	Bắc Giang	Nam	6,5	6,5	DBG011643	CNTT/22/2027	Đạt	
25	CNTT1973	Hoàng Văn Đức	17/06/2005	Bắc Giang	Nam	7,5	6,5	DBG011644	CNTT/22/2028	Đạt	
26	CNTT1974	Trần Minh Đức	27/02/2005	Thái Nguyên	Nam	6,7	6,5	DBG011645	CNTT/22/2029	Đạt	
27	CNTT1975	Lê Đức Hải	10/06/2005	Bắc Giang	Nam	6,5	7,5	DBG011646	CNTT/22/2030	Đạt	
28	CNTT1976	Nguyễn Văn Hải	06/06/2005	Tây Ninh	Nam	6,7	6,0	DBG011647	CNTT/22/2031	Đạt	
29	CNTT1977	Phạm Tiến Hải	26/07/2005	Bắc Giang	Nam	7,0	7,5	DBG011648	CNTT/22/2032	Đạt	
30	CNTT1978	Lưu Văn Hào	30/09/2005	Bắc Giang	Nam	6,0	7,0	DBG011649	CNTT/22/2033	Đạt	
31	CNTT1979	Vũ Minh Hiền	14/05/2004	Bắc Giang	Nam	7,2	7,5	DBG011650	CNTT/22/2034	Đạt	
32	CNTT1980	Vương Đại Hiệp	06/10/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	5,5	DBG011651	CNTT/22/2035	Đạt	
33	CNTT1981	Nguyễn Bá Hiếu	26/03/2005	Bắc Giang	Nam	6,5	5,5	DBG011652	CNTT/22/2036	Đạt	
34	CNTT1982	Nguyễn Văn Hiếu	22/12/2005	Bắc Giang	Nam	6,7	6,5	DBG011653	CNTT/22/2037	Đạt	
35	CNTT1983	Phạm Trung Hiếu	14/10/2005	Thái Nguyên	Nam	6,5	5,5	DBG011654	CNTT/22/2038	Đạt	
36	CNTT1984	Tô Văn Hiệu	17/07/2003	Bắc Giang	Nam	6,5	5,5	DBG011655	CNTT/22/2039	Đạt	
37	CNTT1985	Nguyễn Thị Thu Hoài	16/11/2005	Bắc Giang	Nữ	6,2	5,5	DBG011656	CNTT/22/2040	Đạt	
38	CNTT1986	Dương Văn Hoàng	29/10/2005	Bắc Giang	Nam	7,0	7,5	DBG011657	CNTT/22/2041	Đạt	
39	CNTT1987	Lê Huy Hoàng	05/07/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	7,5	DBG011658	CNTT/22/2042	Đạt	
40	CNTT1988	Phùng Huy Hoàng	29/09/2005	Bắc Giang	Nam	7,0	6,5	DBG011659	CNTT/22/2043	Đạt	
41	CNTT1989	Vũ Quốc Hội	23/08/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	6,0	DBG011660	CNTT/22/2044	Đạt	
42	CNTT1990	Lê Văn Hồng	05/11/2004	Bắc Giang	Nam	6,0	6,5	DBG011661	CNTT/22/2045	Đạt	
43	CNTT1991	Dương Quang Hùng	08/07/2005	Yên Bái	Nam	6,7	7,5	DBG011662	CNTT/22/2046	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành				
44	CNTT1992	Nguyễn Xuân	Hùng	20/07/2005	Bắc Giang	Nam	6,5	6,0	DBG011663	CNTT/22/2047	Đạt	
45	CNTT1993	Nguyễn Ngọc	Huy	23/05/2005	Bắc Giang	Nam	7,5	5,0	DBG011664	CNTT/22/2048	Đạt	
46	CNTT1994	Nguyễn Nhật	Huy	19/10/2005	Bắc Ninh	Nam	6,7	5,0	DBG011665	CNTT/22/2049	Đạt	
47	CNTT1995	Nguyễn Quang	Huy	06/06/2005	Bắc Giang	Nam	6,5	5,0	DBG011666	CNTT/22/2050	Đạt	
48	CNTT1996	Nguyễn Văn	Huy	31/01/2003	Bắc Giang	Nam	6,7	7,0	DBG011667	CNTT/22/2051	Đạt	
49	CNTT1997	Ngô Trần	Hưng	13/10/2005	Bắc Giang	Nam	6,7	5,5	DBG011668	CNTT/22/2052	Đạt	
50	CNTT1998	Trần Văn	Hưng	26/07/2005	Bắc Giang	Nam	6,0	5,5	DBG011669	CNTT/22/2053	Đạt	
51	CNTT1999	Nông Tiến	Hướng	25/02/2005	Bắc Giang	Nam	7,2	5,5	DBG011670	CNTT/22/2054	Đạt	
52	CNTT2000	Nguyễn Đức	Khải	25/11/2004	Bắc Giang	Nam	6,2	6,5	DBG011671	CNTT/22/2055	Đạt	
53	CNTT2001	Võ Văn	Khoa	21/11/2005	Thái Nguyên	Nam	6,5	5,5	DBG011672	CNTT/22/2056	Đạt	
54	CNTT2002	Nông Thị	Khuyên	25/07/2005	Bắc Giang	Nữ	6,7	5,5	DBG011673	CNTT/22/2057	Đạt	
55	CNTT2003	Nông Thị	Khuyên	29/07/2005	Bắc Giang	Nữ	6,5	7,0	DBG011674	CNTT/22/2058	Đạt	
56	CNTT2004	Cù Khánh	Kiên	20/08/2005	Bắc Giang	Nam	6,5	5,5	DBG011675	CNTT/22/2059	Đạt	
57	CNTT2005	Hoàng Văn	Kiên	23/08/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	7,0	DBG011676	CNTT/22/2060	Đạt	
58	CNTT2006	Nguyễn Hoài	Linh	30/09/2005	Bắc Giang	Nam	7,0	6,0	DBG011677	CNTT/22/2061	Đạt	
59	CNTT2007	Nguyễn Quang	Linh	02/04/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	5,0	DBG011678	CNTT/22/2062	Đạt	
60	CNTT2008	Nguyễn Thị Khánh	Linh	21/12/2005	Bắc Giang	Nữ	7,0	6,5	DBG011679	CNTT/22/2063	Đạt	
61	CNTT2009	Nguyễn Thị Thùy	Linh	11/06/2005	Bắc Giang	Nữ	7,2	6,0	DBG011680	CNTT/22/2064	Đạt	
62	CNTT2010	Nguyễn Duy	Long	01/07/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	7,0	DBG011681	CNTT/22/2065	Đạt	
63	CNTT2011	Nguyễn Hoàng	Long	24/03/2005	Bắc Giang	Nam	6,5	5,0	DBG011682	CNTT/22/2066	Đạt	
64	CNTT2012	Nguyễn Văn	Long	12/08/2005	Bắc Giang	Nam	6,0	5,5	DBG011683	CNTT/22/2067	Đạt	
65	CNTT2013	Nguyễn Bảo	Lộc	24/09/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	5,5	DBG011684	CNTT/22/2068	Đạt	
66	CNTT2014	Triệu Thị	Lương	28/09/2005	Bắc Giang	Nữ	7,0	6,0	DBG011685	CNTT/22/2069	Đạt	
67	CNTT2015	Hoàng Văn	Mạnh	04/12/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	6,5	DBG011686	CNTT/22/2070	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
						Trắc nghiệm	Thực hành				
68	CNTT2016	Ngô Duy Mạnh	13/07/2005	Bắc Giang	Nam	6,0	6,5	DBG011687	CNTT/22/2071	Đạt	
69	CNTT2017	Nông Đức Mạnh	28/09/2005	Bắc Giang	Nam	6,5	6,0	DBG011688	CNTT/22/2072	Đạt	
70	CNTT2018	Dương Thị Trà My	20/01/2005	Bắc Giang	Nữ	6,2	5,5	DBG011689	CNTT/22/2073	Đạt	
71	CNTT2019	Nguyễn Thị Trà My	09/05/2005	Bắc Giang	Nữ	6,2	6,0	DBG011690	CNTT/22/2074	Đạt	
72	CNTT2020	Dương Văn Nam	13/09/2005	Bắc Giang	Nam	7,5	5,0	DBG011691	CNTT/22/2075	Đạt	
73	CNTT2021	Nguyễn Huy Nam	01/12/2004	Bắc Giang	Nam	6,2	5,5	DBG011692	CNTT/22/2076	Đạt	
74	CNTT2022	Trần Thị Nga	13/04/2005	Bắc Giang	Nữ	7,0	6,0	DBG011693	CNTT/22/2077	Đạt	
75	CNTT2023	Mai Ánh Nguyệt	08/07/2005	Bắc Giang	Nữ	6,2	5,5	DBG011694	CNTT/22/2078	Đạt	
76	CNTT2024	Chúc Đình Phú	06/12/2005	Bắc Giang	Nam	6,0	5,5	DBG011695	CNTT/22/2079	Đạt	
77	CNTT2025	Nguyễn Minh Phương	08/12/2005	Bắc Giang	Nam	6,0	5,5	DBG011696	CNTT/22/2080	Đạt	
78	CNTT2026	Nông Thị Bích Phượng	25/11/2005	Bắc Giang	Nữ	6,5	6,0	DBG011697	CNTT/22/2081	Đạt	
79	CNTT2027	Hà Trọng Quang	10/12/2005	Bắc Giang	Nam	7,5	5,5	DBG011698	CNTT/22/2082	Đạt	
80	CNTT2028	Nguyễn Minh Quang	28/10/2005	Bắc Giang	Nam	6,7	5,5	DBG011699	CNTT/22/2083	Đạt	
81	CNTT2029	Nguyễn Văn Quang	06/06/2005	Bắc Giang	Nam	6,5	7,5	DBG011700	CNTT/22/2084	Đạt	
82	CNTT2030	Đỗ Minh Quân	28/12/2005	Bắc Giang	Nam	6,7	5,5	DBG011701	CNTT/22/2085	Đạt	
83	CNTT2031	Thân Ngọc Quân	26/03/2005	Bắc Giang	Nam	6,0	5,0	DBG011702	CNTT/22/2086	Đạt	
84	CNTT2032	Vì Chung Quân	01/09/2005	Bắc Giang	Nam	6,7	6,0	DBG011703	CNTT/22/2087	Đạt	
85	CNTT2033	Phùng Xuân Quý	21/08/2005	Bắc Giang	Nam	6,5	5,5	DBG011704	CNTT/22/2088	Đạt	
86	CNTT2034	Đỗ Thị Ánh Quyên	07/11/2005	Bắc Giang	Nữ	7,5	6,5	DBG011705	CNTT/22/2089	Đạt	
87	CNTT2035	Phùng Văn Quyền	30/06/.200	Bắc Giang	Nam	6,7	5,5	DBG011706	CNTT/22/2090	Đạt	
88	CNTT2036	Phạm Xuân Quyết	16/01/2005	Bắc Giang	Nam	6,5	6,0	DBG011707	CNTT/22/2091	Đạt	
89	CNTT2037	Dương Ngọc Quỳnh	09/09/2005	Bắc Giang	Nam	6,7	6,0	DBG011708	CNTT/22/2092	Đạt	
90	CNTT2038	Lê Đắc Sinh	03/12/2005	Bắc Giang	Nam	6,7	5,5	DBG011709	CNTT/22/2093	Đạt	
91	CNTT2039	Nguyễn Trọng Tài	03/08/2005	Hưng Yên	Nam	6,0	6,0	DBG011710	CNTT/22/2094	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
						Trắc nghiệm	Thực hành				
92	CNTT2040	Vi Văn Tài	15/07/2005	Bắc Giang	Nam	7,2	5,5	DBG011711	CNTT/22/2095	Đạt	
93	CNTT2041	Hoàng Văn Tân	07/03/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	8,0	DBG011712	CNTT/22/2096	Đạt	
94	CNTT2042	Ngô Thế Tập	03/06/2005	Bắc Giang	Nam	6,5	6,0	DBG011713	CNTT/22/2097	Đạt	
95	CNTT2043	Diêm Đăng Thái	23/02/2005	Bắc Giang	Nam	6,7	5,5	DBG011714	CNTT/22/2098	Đạt	
96	CNTT2044	Nguyễn Hữu Thành	27/09/2005	Bắc Giang	Nam	6,5	6,5	DBG011715	CNTT/22/2099	Đạt	
97	CNTT2045	Nguyễn Minh Thành	06/10/2005	Bắc Giang	Nam	6,5	5,5	DBG011716	CNTT/22/2100	Đạt	
98	CNTT2046	Nông Vũ Thành	15/03/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	6,0	DBG011717	CNTT/22/2101	Đạt	
99	CNTT2047	Lê Thị Thanh Thảo	08/01/2004	Bắc Giang	Nữ	7,0	6,0	DBG011718	CNTT/22/2102	Đạt	
100	CNTT2048	Nguyễn Đình Thắng	26/06/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	7,0	DBG011719	CNTT/22/2103	Đạt	
101	CNTT2049	Nguyễn Văn Thắng	28/09/2005	Bắc Giang	Nam	7,0	7,0	DBG011720	CNTT/22/2104	Đạt	
102	CNTT2050	Nguyễn Hồng Tiến	10/03/2005	Bắc Giang	Nam	8,0	6,0	DBG011721	CNTT/22/2105	Đạt	
103	CNTT2051	Chu Thanh Toàn	06/08/2005	Bắc Giang	Nam	7,5	7,0	DBG011722	CNTT/22/2106	Đạt	
104	CNTT2052	Nguyễn Văn Toàn	06/07/2004	Bắc Giang	Nam	7,7	6,0	DBG011723	CNTT/22/2107	Đạt	
105	CNTT2053	Tạ Văn Toàn	14/10/2005	Bắc Giang	Nam	6,5	5,5	DBG011724	CNTT/22/2108	Đạt	
106	CNTT2054	Lương Thùy Trang	14/05/2005	Bắc Giang	Nữ	6,0	5,5	DBG011725	CNTT/22/2109	Đạt	
107	CNTT2055	Nguyễn Thị Thu Trang	26/06/2005	Bắc Giang	Nữ	6,7	6,0	DBG011726	CNTT/22/2110	Đạt	
108	CNTT2056	Trần Thị Trang	23/03/2005	Bắc Giang	Nữ	6,5	6,5	DBG011727	CNTT/22/2111	Đạt	
109	CNTT2057	Triệu Ngọc Trường	17/06/2005	Bắc Giang	Nam	7,5	6,0	DBG011728	CNTT/22/2112	Đạt	
110	CNTT2058	Trần Anh Tuấn	02/09/2005	Bắc Giang	Nam	6,7	5,5	DBG011729	CNTT/22/2113	Đạt	
111	CNTT2059	Vi Thanh Tuấn	10/02/2005	Bắc Giang	Nam	6,5	6,0	DBG011730	CNTT/22/2114	Đạt	
112	CNTT2060	Tổng Đức Tùng	08/05/2004	Bắc Giang	Nam	6,7	5,5	DBG011731	CNTT/22/2115	Đạt	
113	CNTT2061	Nguyễn Quang Tuyển	24/02/2005	Bắc Giang	Nam	6,7	5,5	DBG011732	CNTT/22/2116	Đạt	
114	CNTT2062	Nguyễn Ngọc Vinh	21/09/2005	Bắc Giang	Nam	6,0	6,0	DBG011733	CNTT/22/2117	Đạt	
115	CNTT2063	Nguyễn Thân Hoàng Vũ	04/10/2005	Bắc Giang	Nam	7,2	7,0	DBG011734	CNTT/22/2118	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
						Trắc nghiệm	Thực hành				
116	CNTT2065	Nông Thị Chuyên	03/06/1986	Lạng Sơn	Nữ	8,0	7,0	DBG011735	CNTT/22/2119	Đạt	
117	CNTT2067	Dương Thị Hải	07/02/1991	Bắc Giang	Nữ	8,2	8,0	DBG011736	CNTT/22/2120	Đạt	
118	CNTT2068	Trần Thị Hải	08/10/1989	Bắc Giang	Nữ	8,0	8,0	DBG011737	CNTT/22/2121	Đạt	
119	CNTT2069	Hoàng Thị Hiên	30/10/1982	Bắc Giang	Nữ	8,0	8,5	DBG011738	CNTT/22/2122	Đạt	
120	CNTT2070	Nguyễn Thị Hiên	26/06/1986	Bắc Giang	Nữ	7,7	8,0	DBG011739	CNTT/22/2123	Đạt	
121	CNTT2071	Nguyễn Thị Hoạt	14/10/1985	Bắc Ninh	Nữ	8,0	7,5	DBG011740	CNTT/22/2124	Đạt	
122	CNTT2072	Triệu Thị Hốt	23/12/1994	Cao Bằng	Nữ	8,0	7,0	DBG011741	CNTT/22/2125	Đạt	
123	CNTT2073	Lưu Xuân Huy	04/09/1987	Bắc Giang	Nam	8,5	8,5	DBG011742	CNTT/22/2126	Đạt	
124	CNTT2074	Vũ Minh Khanh	25/05/1973	Bắc Giang	Nam	8,5	8,5	DBG011743	CNTT/22/2127	Đạt	
125	CNTT2075	Đặng Thị Kiều	20/07/1974	Lạng Sơn	Nữ	7,5	7,0	DBG011744	CNTT/22/2128	Đạt	
126	CNTT2076	Đỗ Thị Mỹ Lệ	05/10/1993	Bắc Giang	Nữ	8,5	7,5	DBG011745	CNTT/22/2129	Đạt	
127	CNTT2077	Đào Ngọc Lợi	02/01/1996	Bắc Giang	Nam	8,0	8,0	DBG011746	CNTT/22/2130	Đạt	
128	CNTT2078	Hoàng Thị Minh	09/06/1986	Bắc Giang	Nữ	8,2	7,0	DBG011747	CNTT/22/2131	Đạt	
129	CNTT2079	Hoàng Thị Mơ	25/07/1995	Bắc Giang	Nữ	8,0	7,5	DBG011748	CNTT/22/2132	Đạt	
130	CNTT2080	Vi Thị Thêm	19/04/1986	Bắc Giang	Nữ	8,0	8,5	DBG011749	CNTT/22/2133	Đạt	
131	CNTT2081	Nguyễn Thị Yên	22/11/1977	Bắc Giang	Nữ	7,5	7,0	DBG011750	CNTT/22/2134	Đạt	

Danh sách có 131 thí sinh./.